

TÍN NGƯỠNG QUAN ĐẾ VÀ MIẾU THỜ QUAN ĐẾ Ở TÂN CHÂU, AN GIANG

THE CULT OF GUANDI AND THE GUANDI TEMPLE IN TAN CHAU TOWN, AN GIANG PROVINCE

TRẦN PHÚ HUỆ QUANG^(*)

TÓM TẮT: Tín ngưỡng Quan Đế là hiện tượng phổ biến nhiều nơi trên thế giới. Theo lộ trình di dân, những nơi người Hoa đặt chân đến đều có dấu tích của tín ngưỡng này. Thị xã Tân Châu, thuộc tỉnh An Giang, nơi cộng đồng người Hoa với số lượng chỉ khoảng gần 500 người, cũng không ngoại lệ, ngôi Quan Đế miếu nằm cạnh dòng sông Tiền luôn khói hương nghi ngút. Bài viết này tìm hiểu tín ngưỡng Quan Công, khảo sát trường hợp ngôi Quan Đế miếu ở Tân Châu về kiến trúc, thờ tự, nhằm góp phần vào hệ thống nghiên cứu tín ngưỡng Quan Công vùng Tây Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung. Bổ sung tài liệu thực địa qua phương pháp tham dự quan sát phỏng vấn sâu, củng cố thêm nghiên cứu lý thuyết về tín ngưỡng Quan Công.

Từ khóa: tín ngưỡng Quan Công; đặc điểm Quan Đế miếu; Quan Đế miếu Tân Châu.

ABSTRACT: The cult of Guandi is a popular belief in the world. Following the Chinese immigration route, Guandi temples were built in various places. Tân Châu, a town in An Giang Province, is home to about 500 Chinese people. There is no doubt that this Guandi Temple on the banks of the Mekong River is always full of incense. This study takes the Guandi Temple in Tân Châu as an example, discusses the worship of Guandi from the perspective of architecture and worship, which directly contributes to the research on the worship of Guandi in the Mekong Delta area in academia. The research is conducted on the basis of combining field data through in-depth observation, interviews and theoretical analysis.

Key words: the Guandi cult; the characteristics of Guandi temples; the Tân Châu Guandi temple.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tân Châu tọa lạc ở phía bắc tỉnh An Giang, xung quanh được bao bọc bởi sông Tiền và sông Hậu, trong đó sông Tiền giữ vai trò chính, hình thành nên cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân văn. Theo số liệu của Chi cục Thống kê năm 2019, Tân Châu có tổng số dân là 141.120 người. Thành phần tộc người chủ yếu gồm Kinh, Hoa, Khmer, Chăm. Trong đó, số lượng người Kinh là 137.097, người Hoa là 452, người Khmer là 73, người Chăm là 3.489 và các dân tộc khác là 9. Tôn giáo tín ngưỡng ở Tân Châu khá đa dạng.

Trong đó số người theo Phật giáo có 49.972 người, theo Công giáo có 1.191, theo Tin Lành có 183, theo đạo Cao Đài có 7.419, theo đạo Hòa Hảo có 45.344, theo Hồi giáo có 3.559, theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 643, theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có 1.029, theo đạo khác hoặc không đạo là 31.780 người [2]. Người Hoa ở Tân Châu phần lớn theo Phật giáo, tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên. Nhìn chung, đặc trưng tín ngưỡng đa thần, tin tưởng thờ cúng nhiều vị thần, Phật, Bò Tát. Người Hoa trên địa bàn Tân Châu tập trung ở hai phường Long Thạnh (210 người) và Long Hưng

^(*) TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tphuequang@gmail.com, Mã số: TCKH27-16-2021

(156 người), số lượng còn lại phân bố rải rác [2]. Chợ Tân Châu nằm trên địa bàn hai phường này. Người Hoa phân bố theo chợ, chủ yếu làm các nghề thương mại, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

Người Hoa ở Tân Châu gồm những nhóm ngôn ngữ Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hẹ (người Triều Châu chiếm đa số). Phần lớn người Hoa ở đây là lớp người di dân muộn (từ Trung Quốc, một số từ Campuchia), khoảng từ thế kỷ XIX về sau, định cư ở Tân Châu đến nay khoảng 3-4 đời. Người Hoa gọi Tân Châu là Tân Quan (新關 xīn guān), một cách giải thích là “xưa kia, cửa khẩu hải quan đóng ở tại Tân Châu nên người Hoa gọi vậy”. Quả thật, Tân Châu có đường biên giới dài giáp với Campuchia, ngay từ sau khi lập “đạo Tân Châu” đã có cửa khẩu hải quan và giao thương qua lại tấp nập. Lý do người Hoa đến nay vẫn gọi địa danh này là Tân Quan còn cần phải kiểm chứng thêm, hứa hẹn nhiều điều thú vị có giá trị văn hóa lịch sử. “Các nhóm cộng đồng người Hoa không thể tồn tại và phát triển tách biệt với xã hội sở tại, vì ở họ vừa có yếu tố “Hoa”, lại vừa có yếu tố “sở tại” [1, tr.4]. Bằng phương pháp khảo sát thực địa, tham dự, quan sát, phỏng vấn sâu người thực hành tín ngưỡng, bài viết bước đầu ghi nhận tỉ mỉ, toàn diện về ngôi Quan Đế miếu Tân Châu; đồng thời, so sánh với tư liệu về tín ngưỡng Quan Công, so sánh với một số miếu ở vùng lân cận, tìm ra đặc trưng của tín ngưỡng, ghi nhận yếu tố “Hoa” và yếu tố “sở tại” hòa quyện như thế nào.

2. NỘI DUNG

2.1. Tín ngưỡng Quan Công và tín ngưỡng Quan Công ở Nam Bộ

Tín ngưỡng Quan Công trong văn hóa truyền thống, là hiện tượng tín ngưỡng đáng chú ý trong cuộc sống người Hoa đương đại. Đây là kết quả của ý thức văn hóa truyền thống và nhu cầu tín ngưỡng của dân chúng đương đại. Tín ngưỡng Quan Công xuất hiện ở Trung Quốc từ thời Tùy, Đường, phát triển vào thời Tống,

Nguyên, Minh, đạt đến đỉnh cao vào đời Thanh. Ngày nay, tín ngưỡng Quan Công phổ biến nhiều nơi trên thế giới theo bước di dân của người Hoa. Tín ngưỡng này xuất phát từ sự sùng bái danh tướng Quan Vũ nhà Thục Hán. Theo Đinh Hiếu Minh [3], phân tích nhân tố của sự hình thành tín ngưỡng Quan Công gồm nhân tố bên trong là tố chất “trung, nghĩa, nhân, dũng” của con người Ông. Trong đó, phẩm chất “nghĩa” bao hàm tất cả trong nó: Trung nghĩa, chính nghĩa, hiệp nghĩa, tín nghĩa, nhân nghĩa, lễ nghĩa, nghĩa khí, nghĩa dũng, trượng nghĩa... Nhân tố bên ngoài là niềm tin vào thần linh, lấy đạo thần thánh giáo hóa con người. Cuối cùng, tư tưởng Tam giáo Nho - Phật - Đạo là chất xúc tác, thúc đẩy tín ngưỡng truyền bá rộng rãi. Ngoài ra, tín ngưỡng này còn hiện hữu nhiều yếu tố khác như thời đại, đặc trưng bản địa, phong tục địa phương... Tất cả góp phần làm cho tín ngưỡng Quan Công phổ biến như ngày nay.

Qua các thời đại, Quan Vũ được phong nhiều danh hiệu: hầu, công, vương, đế, thánh, thần. Đời Tống được phong làm “Trung huệ công” 忠惠公, “Sùng ninh chân quân” 崇宁真君, “Nghĩa dũng võ an vương” 义勇武安王. Đời Nguyên được phong là “Hiển linh nghĩa dũng võ an anh tế vương” 显灵义勇武安英济王. Thời Minh lần lượt được phong “Hiệp thiên đại đế” 协天大帝, “Tam giới phục ma đại đế thần uy viễn chấn thiên tôn quan thánh đế quân” 三界伏魔大帝神威远震天尊关圣帝君, “chân nguyên hiển ứng chiêu minh dực hán thiên tôn” 真元显应昭明翊汉天尊. Đời Thanh, tiếp tục được phong “Trung nghĩa thần võ linh hộ nhân dũng quan thánh đế quân” 忠义神武灵佑仁勇关圣帝君, “uy hiển” 威显, “hộ quốc” 护国, “bảo dân” 保民, “tinh thành” 精诚, “tuy tĩnh” 绥靖, “dực tán” 翊赞. Lần sau cùng, gom lại tất cả danh phong

tổng cộng đến 26 chữ “Trung nghĩa thần võ linh hộ nhân dũng hiền uy hộ quốc bảo dân tinh thành tủy tinh dục tán tuyên đức quan thánh đế quân” 忠义神武灵佑仁勇显威护国保民精诚绥靖翊赞宣德关圣帝君 [3].

Tín ngưỡng Quan Công dung hợp cả Nho - Phật - Đạo. Nho giáo tôn sùng Ông thuộc sao “văn xương” (chòm sao Văn Xương Đế Quân, vị thần coi về văn chương chữ nghĩa), tôn làm Quan phu tử, Võ thánh nhân, Văn hoàng đế quân, Quan thánh đế quân; Đạo giáo tôn sùng Ông là Tam giới phục ma đại đế, Sùng ninh chân quân, Hiệp thiên đại đế, Dục Hán thiên tôn; Trong Phật giáo, Ông là thần hộ pháp, tôn xưng là Già lam bồ tát, Hộ quốc minh vương. Nói về Ông, có câu: “Nho xưng Thánh, Thích xưng Phật, Đạo xưng Thiên Tôn”. Nho gia gọi là Thánh nhân, Phật giáo xem là thần hộ pháp, Đạo giáo tôn làm Đế Quân. Tam giáo đều cùng thượng tôn “trung nghĩa thành tín nhân dũng liêm trực”.

Quyển kinh *Đào Viên Minh Thánh Kinh* [8] dùng để tụng niệm, theo nghĩa lý trong kinh mà thực hành. Khảo sát quyển kinh này, thấy rõ sự dung hợp Nho - Phật - Đạo. Đầu tiên là yếu tố chùa Phật: “Đức Quan Thánh Đế Quân thác mộng cho vị tăng của chùa Ngọc Tuyền và vị sư này chép lại”; *Yếu tố Nho và Đạo*: “đời Thanh, đức Chu Hy phụng sắc chỉ của Thượng đế, căn cứ vào chân bản của chùa Ngọc Tuyền, và khảo chứng bản văn trong quyển Tam thiên trú kinh lục mà san định lại kinh văn. Trong ngày hội của một chùa ở Quý Châu, Ngài giáng cơ sao lại quyển kinh”. Về nội dung, Kinh có sáu chương, mang dấu ấn của Nho gia về dạy đạo làm người, dạy các đức hiếu để trung tín lễ nghĩa liêm sỉ, tinh thần ra làm quan dân thân giúp đời giúp nước. Chương hai *Nguyên thủy* viết “Hiếu để trung tín là căn bản, lễ nghĩa liêm sỉ là cội nguồn”. Chương ba *Lực học* khuyên “làm người phải lấy trung hiếu làm đầu, tu thân làm gốc”, lấy hình ảnh phụng sự đời của Quan

Công làm gương “hơn mười năm thân không rời áo giáp, đao Thanh Long, rướm máu chẳng lau chùi...”. Chương năm *Tiết huấn* dạy “bạc trung lương hết lòng ra phò vua giúp nước, lòng hiếu thuận không thay đổi, tính thanh liêm không loạn tâm điên, tiết nghĩa trong lúc lâm nguy vẫn không bại”, về lễ quân thần “Quân vương lấy lễ sai khiến bầy tôi, bầy tôi lấy chữ trung thờ vua”. Dấu ấn của Phật gia thể hiện nội dung *Đào Viên Minh Thánh kinh* nhiều lần nhắc đến chuyện luân hồi của các anh hùng; lòng từ bi “nhất thiết cảm thú đều có sinh mệnh, chớ nên vô cớ, chỉ vì ngon miệng mà giết hại sinh linh. Các loài hóa sinh cũng cần sống, sao lại giương cung giăng lưới tìm. Nếu sinh lòng thương tiếc vạn vật, tự nhiên phúc đến họa tránh xa”; nhắc đến làm việc thiện “Chớ cho rằng việc ác nhỏ mà lại hành theo; nghe lời Đế Quân làm việc thiện, ác có mây lành dưới chân bay”; nhắc đến nhân quả báo ứng “báo ứng chậm nhanh thời chưa đến, họa phúc sớm muộn cũng giáng lâm”. Dấu ấn của Đạo gia rõ nét với sự xuất hiện rất nhiều vị thần của Đạo giáo.

Do tố chất trung nghĩa nhân dũng thành tín của Quan Công, hàng loạt các đối tượng, các ngành nghề khác nhau tôn sùng theo nhiều cách, phụ thuộc vào nhu cầu thực tiễn. Thống kê từ Đinh Hiếu Minh [3] về các thành phần tín ngưỡng Quan Công hầu như bao trùm cả xã hội. Nhà thống trị tôn Ông là “trung nghĩa chi thần”, “chiến thần”, “thống nhất chi thần”, dựa vào tín ngưỡng thu phục hào kiệt trong dân chúng, hoặc lợi dụng để thu phục các địa phương. Do dũng mãnh đứng đầu ba quân, giữ chữ nghĩa không phụ lòng người; Giới quân nhân tôn Ông là “Võ Thánh nhân” 武圣人, đồng thời tin Ông có thể độ mạng trên chiến trường. Bởi đặc tính hành hiệp trọng nghĩa, lấy nghĩa kết bằng hữu, giới bang hội, bang phái giang hồ tôn Ông là “thần kết nghĩa”, “thần võ dũng”, gọi Ông là “Quan Nhị Ca” 关二哥, “Quan Lão Gia” 关老爷, nhằm xây dựng, theo đuổi đạo nghĩa giang hồ, anh hùng

khí phách, không sợ cái chết, họa phúc cùng hưởng, sống chết có nhau. Ông không chỉ được biết đến là hình ảnh một quan võ (Quan Công là Võ thánh, Khổng Tử là Văn thánh), mà sau đó còn mang cả hình ảnh quan văn, đọc sách thánh hiền, tu thân lập chí, trong *Minh Thánh kinh* [8] nói “Đế Quân vốn thích duyệt lãm Xuân Thu, thời nhỏ đọc sách Khổng Mạnh” (chương ba *Lực học*). Hình ảnh Ông cầm quyền *Xuân Thu* và tính cách lo chuyện đại nghĩa, nên giới nhân văn sĩ tử trí thức tôn Ông là “Quan phu tử”, phụng thờ làm Văn giáo thần, mượn tín ngưỡng để hoằng dương, trong mưu cầu tiến thân, cũng không quên cầu xin công danh sự nghiệp, lợi lộc. Với đức tính trọng nghĩa khinh tài, giữ chữ tín, giới thương nhân buôn bán, giới làm nghề thủ công nghiệp tôn Ông là thần nghề nghiệp, thần tài, thần bảo hộ. Tinh thần “trung nghĩa” ngày càng được giới kinh doanh xem trọng, “trung” thì có trách nhiệm và thành tín, “nghĩa” thì liêm tiết, nghĩa khí, công bằng, công chính, công đạo, tín nghĩa, tín dùng. Đồng thời, giới kinh doanh buôn bán dân gian đã từ lâu xem Quan Công là thần tài, cầu xin làm ăn phát đạt, cầu xin tiền tài. Nông dân thì tôn Ông làm “thần thiện”, “thần chính nghĩa”, cầu xin tai qua nạn khỏi, cầu mưa, hàng yêu phục ma, chủ trì công đạo.

Như vậy, ý nghĩa nội hàm của tín ngưỡng Quan Công thật phong phú, niềm tin về khả năng của Quan Công là đa dạng. Chiều hướng phát triển là mở rộng dần lĩnh vực và chức năng. Ngày nay, tín ngưỡng Quan Công có tầm ảnh hưởng phổ quát đến hầu hết các thành phần trong xã hội và chức năng chủ yếu là thần chính nghĩa, thần bảo hộ, thần độ mạng và thần tài. Những nội dung cầu nguyện phổ quát hầu hết mọi mong cầu trong cuộc sống, như cầu tài lộc, cầu như ý, cứu nạn, cầu sức khỏe, trị bệnh, trừ tà, cầu mưa thuận gió hòa, được mùa, cầu đỗ đạt trong thi cử, phát triển công danh sự nghiệp... Chức năng bảo hộ rộng khắp, như hộ pháp, hộ quốc, hộ dân. Khảo sát danh hiệu

được phong bên trên, thấy rằng từ đời Nguyên về trước, ý nghĩa trung nghĩa, võ dũng nổi bật, đến đời Minh, Thanh ý nghĩa bảo hộ và mang lại tài lộc nổi bật hơn.

Người Hoa bắt đầu di dân đến vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ XVII, lúc đó ở Trung Quốc là thời Thanh (1636 - 1912), các đợt di dân kéo dài tới giữa thế kỷ XX. Nhiều tài liệu ghi chép các cuộc di dân lớn, như cuộc di dân của đoàn người Mạc Cửu vào năm 1671 đến vùng đất nay là Hà Tiên; đoàn người theo tướng Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch vào năm 1679, đầu tiên đến Đà Nẵng, sau đó tách làm hai nhánh định cư ở Biên Hòa (Đồng Nai) và Mỹ Tho (Tiền Giang); Sau đó, nhiều nơi khác có người Hoa sinh sống, như năm 1698 thành lập xã Minh Hương ở Chợ Lớn (Sài Gòn); ngoài ra còn có những nhóm người Hoa di dân gắn với các sự kiện như cách mạng Tân Hợi 1911... nhiều đợt di dân khác theo nhu cầu tìm vùng đất mới sinh sống, đoàn tụ gia đình... Như vậy, hành trang mang theo cuộc hành trình, là cội nguồn văn hóa Trung Hoa, là văn hóa thời Minh, Thanh.

Khi người Hoa đặt chân đến Nam Bộ, tín ngưỡng Quan Công cũng xuất hiện ở Nam Bộ như một điều tất yếu, một phần gắn với ý thức hồi tưởng giữ gìn văn hóa, phần khác là do nhu cầu thực tiễn của chuyến di dân, trước sự nguy hiểm ngàn trùng vượt biển, trước mưu kế sinh nhai ở vùng đất lạ, cần có chỗ dựa về mặt tinh thần, Quan Công là vị thần được lựa chọn chắc chắn nhất, đáp ứng được nhu cầu tâm linh, khi mà lòng tin tưởng, thành tâm cầu khẩn và cảm nhận sự linh ứng tương thông nhau. Thời gian di dân của người Hoa đến Nam Bộ cho thấy, tín ngưỡng Quan Công ở Nam Bộ ảnh hưởng bởi tín ngưỡng Quan Công thời Minh, Thanh. Hơn nữa, tín ngưỡng Quan Công vào Việt Nam từ trước thế kỷ XVII, tức bên Trung Quốc là từ trước Minh Thanh, lúc này chưa có vùng Nam Bộ. Từ sau thế kỷ XVII, giao lưu văn hóa trong quá trình cộng cư ở Nam Bộ càng dễ dàng làm cho

tín ngưỡng Quan Công không còn là tín ngưỡng của riêng người Hoa nữa, người Việt cũng thành kính, tin thờ. Hình ảnh thờ Quan Công xuất hiện trong nhà, trong chùa Phật của người Việt, trong những tín ngưỡng tôn giáo ra đời ở Việt Nam (Bửu sơn kỳ hương, tứ ân hiếu nghĩa...).

2.2. Đặc điểm ngôi Quan Đế miếu (chùa Ông) ở Tân Châu, An Giang

“Miếu” 廟 từ điển *Từ Hải* giải thích là nơi thờ phụng tổ tông, Thần Phật, hoặc hiền triết đời trước, như Tông miếu, thổ địa miếu, Khổng miếu, Quan Đế miếu [4, tr.960]. Ở Việt Nam, miếu là nơi thờ quý thần, đối tượng thờ đa dạng, lớn nhỏ khác nhau... Miếu nhỏ còn gọi là miễu. “Chùa” là nơi thờ Phật, nhưng như thói quen dân gian, “ở Nam Bộ hễ thấy nơi nào có sân rộng, mái ngói cong cong, thờ bất cứ ai, có nhang khói thì cứ gọi là chùa” [9, tr.237]. Nơi thờ Quan Đế, Bảo Sanh Đại Đế, Bà chúa xứ, chính danh ghi trên cổng là “miếu”, thông thường dân gian gọi là chùa: “chùa Ông”, “chùa Bà”. Ở Tân Châu, cư dân cũng gọi Quan Đế miếu là “chùa Ông”.

Chùa Ông đầu tiên xuất hiện cùng với sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Tân Châu nhưng chưa rõ năm nào. Tuy nhiên, khảo sát các câu liễn, bức họa, bảng chữ, cột... trong chùa hiện nay, dấu tích năm tháng xưa nhất còn sót lại trên một tấm biển là năm 1878. Có thể ngôi chùa đầu tiên được xây dựng trong khoảng thời gian mà cộng đồng người Hoa có mặt ở Tân Châu vào khoảng thế kỷ XIX. Do Tân Châu nhiều lần sụt lở đất, phần đất khu chợ rộng lớn xưa kia nay đã thành sông. Chùa Ông xây mới hoàn toàn vào năm 2017, nằm đối diện với sông Tiền.



Hình 1. Quan Đế miếu Tân Châu

Nguồn: tác giả



Hình 2. Dấu tích thời gian trên tấm biển

Nguồn: tác giả

Khảo sát chùa Ông về kiến trúc, trang trí có ba đặc điểm: Về phương thức xây dựng là tạo dựng mới hoàn toàn, đồng thời giữ mô hình cũng như giá trị tinh thần xưa; Phong cách kiến trúc và trang trí thể hiện sự dung hợp văn hóa Hoa - Việt; Mang tính kang trang, nhưng đơn giản, mộc mạc, dân dã đảm bảo một số yếu tố căn bản của đặc trưng ngôi chùa Ông của người Hoa nói chung về kiểu dáng, cột liễn, màu sắc, bày trí, không chú trọng phương diện đầu tư cầu kỳ. Ngôi chùa được xây cách tân, phù hợp với hiện đại, không còn giống trời, một không gian chánh điện, với phương thức *không giữ hiện trạng xưa nhưng giữ mô hình xưa*. Các cột kèo kết hợp với thiết kế mái khi vút cao khi hạ thấp tạo cảm giác có nhiều tầng điện sâu vào bên trong. Bước vào cửa, một chiếc lư hương to đặt giữa chùa, đây là mô hình tiền điện của chùa Ông nói chung. Trên lư hương khắc ba chữ “Hiệp thiên cung”, năm 1910. Bên trái là bàn hương án thờ “Mã thần tướng quân”, bên cạnh là người giữ ngựa và “ngựa Xích Thố” sơn đỏ đứng trên thảm cỏ. Sau lư hương là khoảng trống rộng, mái phía trên thiết kế cao hơn thành vòm sâu, đây chính là mô hình giếng trời. Hai bên là hai cửa mở ra hành lang, tượng trưng cho Tây sương và Đông sương. Không gian không đủ rộng để có bức bình phong, ngăn tầm nhìn vào chánh điện như các chùa Ông khác, qua lư hương là có thể nhìn thẳng vào điện thờ chính. Cũng ngay khoảng trống này, hai bên đặt bộ binh khí (bát bửu) thể hiện uy vũ, phía trên treo nhiều vòng nhang bình an. Tiến sâu vào bên trong, nền cao hơn một bậc phân biệt chánh điện với không gian ngoài.

Như vậy, cách thiết kết vẫn gọi kiểu kết cấu theo mô hình đặc trưng chung của một chùa Ông, có tiền điện, giếng trời, nhà hương, chính điện.

Về nghệ thuật trang trí, bốn cột phía ngoài cửa treo bốn bức hoành phi màu đen, chữ vàng. Bên trong cửa, bốn cột vuông màu vàng treo hoành phi màu đỏ chữ vàng, tiếp theo là hai cặp cột tròn đỏ, một cặp khắc câu đối chữ vàng, một cặp đắp nổi hai con rồng điểm sắc xanh quấn quanh cột, gọi là “long trụ”. Trên các kèo nằm ngang, đặt tám biển màu đen chữ vàng. Hai bên vách là các bức họa nội dung kể về cuộc đời của Quan Vũ. Trong số vật linh xuất hiện ở đình, miếu Nam Bộ như long lân, quy, phụng, hổ, cá... nơi đây có long, lân và cá. Trong miếu trang trí tương đối đơn giản, các cánh cửa, vòm cửa, kèo cột, cho đến mái bên ngoài không chạm trổ. Mái ngói hơi cong, hoa văn hình sóng nước, nhìn tổng thể dễ nhận ra là hình ảnh con thuyền và sóng nước, đặc trưng chung của kiến trúc đình, miếu Việt Nam. Tuy chùa xây mới, với chất liệu chính là bê tông, cốt thép, hệ thống mái vẫn theo nguyên tắc truyền thống gọi là “trùng thiềm điệp ốc” gồm nhiều lớp chồng lên nhau, hiệu ứng màu sắc làm ngôi chùa vẫn mang nét xưa với mái ngói lợp kiểu âm dương. Trên nóc mái cổng là lưỡng long tranh châu. Do điều kiện diện tích hiện tại, chùa không còn sân rộng như xưa, trước cổng có hai cặp kỳ lân bằng đá trắng uy nghi châu đối xứng nhau. Nhìn tổng thể, ngôi chùa có đủ năm màu theo ngũ hành (vàng, đỏ, xanh, trắng, đen), trong đó, màu chủ đạo là hai màu đỏ và vàng, là màu của tươi sáng, may mắn, tốt lành, hạnh phúc.



Hình 3. Chánh điện chùa Ông

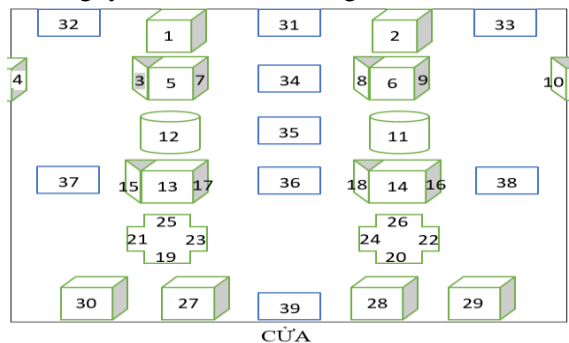
Nguồn: tác giả



Hình 4. Khu vực tiền - trung điện treo vòng hương

Nguồn: tác giả

Các bức hoành phi trên cột được làm mới hoàn toàn, nhưng vẫn giữ nguyên tinh thần xưa bởi nội dung các câu được sao chép từ chùa cũ. Tổng cộng, chùa có 30 bức hoành phi, nội dung ca ngợi tính cách, công lao, dung mạo... của Quan Đế. Qua các câu liên cho thấy đức độ chánh khí, nghĩa khí, chánh trực, lòng sắc son trung nghĩa, ca ngợi sự linh thiêng, anh linh, hiển linh, khí phách... của Ông được sánh với nhật nguyệt, trời đất, núi sông, tinh tú.



Sơ đồ 1. Sơ đồ bức hoành phi trên các cột

Nguồn: tác giả



Sơ đồ 2. Sơ đồ bàn thờ

Nguồn: tác giả

Bảng 1. Chú thích Sơ đồ 1

STT	Chữ Hán	Âm Hán Việt	Dịch nghĩa
1	志在春秋功在漢	Chí tại Xuân Thu công tại Hán;	Chí ở Xuân Thu công tại Hán
2	忠同日月義同天	Trung đồng nhật nguyệt nghĩa đồng thiên.	Trung cùng năm tháng nghĩa tợ trời.
3	两道卧蠶眉鎖住漢家社稷	Lưỡng đạo ngọa tầm mi khóa trụ Hán gia xã tắc;	Hai nét mày ngài giữ chặt giang sơn xã tắc triều Hán
4	一雙丹鳳眼勘破曹氏奸瞞	Nhất song đan phụng nhãn khám phá Tào thị gian manh.	Một đôi mắt phượng nhìn thấu gian tà phân tặc họ Tào.
5	伏吳魏以興鑿耿耿丹心昭日月	Phục Ngô Ngụy dĩ hưng Lưu cảnh tâm đan chiếu nhật nguyệt;	Đánh Ngô Ngụy lập triều Lưu một tác lòng son sáng ngời như nhật nguyệt
6	封侯王而至帝魏義氣配乾坤	Phong hầu vương nhi chí đế ngụy ngụy nghĩa khí phối càn khôn.	Phong hầu vương nên chí để cả bầu nghĩa khí cao ngất tợ càn khôn
7	義胆忠肝結拜相從兄及弟	Nghĩa đảm trung can kết bái tương tưng huynh cập đệ;	Nghĩa đảm lòng trung huynh đệ kết bái theo cùng
8	單刀匹馬華夷共仰古猶今	Đơn đao thất mã hoa di cộng ngưỡng cổ do kim.	Một ngựa múa đao xưa nay trong ngoài thờ kính
9	秉燭豈避嫌昔日心中惟有漢;	Bình chúc khởi tị hiềm tích nhật tâm trung duy hữu Hán;	Quan Vũ cầm đuốc tránh ngờ há chẳng ngày ấy lòng người chỉ thờ vua Hán
10	華容非報德當時目下已無書。	Hoa dung phi báo đức đương thời mục hạ dĩ vô thư.	Hoa Dung không buồn báo đức phải chăng thuở nợ đạo trời đã ghét lũ Tào
11	天地間日星河嶽正氣;	Thiên địa gián nhật tinh hà nhạc chánh khí.	Trong đất trời tinh tú núi sông còn giữ lòng chánh trực
12	朋友內君臣兄弟大倫。	Bằng hữu nội quân thân huynh đệ đại luân.	Giữa tình người vua tôi huynh đệ phải nên nếp cương thường
13	德崇言正秉注人生功名福壽;	Đức sùng ngôn chánh bình chú nhân sinh công danh phúc thọ;	Đức cả lời ngay vững một đời công danh phúc thọ
14	英文雄武精忠大義高節清廉。	Anh văn hùng vũ tinh trung đại nghĩa cao tiết thanh liêm.	Văn tài võ giỏi đốc lòng trung nghĩa khí tiết thanh liêm
15	封庫印懸梁爵祿辭不受;	Phong khổ ấn huyền lương tước lộc từ bất thọ	Phong tước ban lộc thấy đều khước từ không nhận
16	俾知木有所本水有所源。	Tỉ tri mộc hữu sở bản thủy hữu sở nguyên.	Để biết cây có cội rễ nước có nguồn con
17	帝本天樞第一星 臨凡欲使萬方寧	Đế bản thiên xu đệ nhất tinh Lâm phạm dục sử vạn phương ninh	Thần vốn Thiên xu đệ nhất tinh Xuống phạm vì để giúp khương ninh
18	勿謂善小而不做 勿謂惡少而可行。	Vật vị thiện tiểu nhi bất tố, Vật vị ác thiểu nhi khả hành.	Chớ bảo việc lành ít không tạo Đừng cho ác nhỏ chẳng hại mình
19	萬物悉含天地造化依時生長與人靈	Vạn vật tất hàm thiên địa tạo hóa y thời sinh trưởng dữ nhân linh	Vạn vật hàm chứa đất trời tạo hóa theo thời sinh trưởng cùng linh tánh
20	敬如在敬神須誠敬正直為神古至今。	Kính như tại kính thần tu thành kính chính trực vi thần cổ chí kim.	Kính như đối trước thánh thần xưa nay thành kính chính trực mới hóa thần
21	寧靜以致遠淡泊以明志	Ninh tĩnh dĩ trí viễn đạm bạc dĩ minh chí	Nơi tịch mịch nuôi chí lớn nếp đạm bạc giữ thanh cao
22	面赤心尤赤鬚長義更長	Diện xích tâm ưu xích tu trường nghĩa cánh trường.	Mặt vốn đỏ lòng càng son râu đã dài nghĩa thêm lớn

23	天網恢恢分曲直神靈赫赫 定分明	Thiên võng khôi khôi phân khúc trực thần linh hách hách định phân minh	Lưới trời lồng lộng phán xét ngay gian thần thánh định đoạt rõ ràng
24	形容雖去神猶存留得精英 震百靈。	Hình dung tuy khứ thần do tồn lưu đắc tinh anh chấn bách linh.	Hình dung tuy khuất khí phách hầy còn anh linh chấn hưng trăm họ
25	事在人為不為者則易赤難矣。	Sự tại nhân vi bất vi giả tắc diệc xích nan hỹ.	Thành bại ở người, người không cố gắng việc dễ cũng thành khó
26	事在人為不為者則易赤難矣	Sự tại nhân vi bất vi giả tắc diệc xích nan hỹ	Thành bại ở người, người không cố gắng việc dễ cũng thành khó
27	關被生民神靈赫奕施呵護	Quan bị sinh dân thần linh hách dịch thi ha hộ	Che chở muôn dân thần thánh hiển linh đồng gia hộ
28	新迎紫氣帝關崔嶽具仰瞻。	Tân nghinh tử khí đế quan thối nhạc cụ ngưỡng chiêm.	Đón nghênh điềm tốt Đế quan cao vợi luôn kính thờ
29	威德配山川千秋香煙盛	Oai đức phối sơn xuyên thiên thu hương yên thịnh;	Oai đức tợ núi sông thiên thu dâng hương khói
30	靈通同天地顯祐保全民。	Linh thông đồng thiên địa hiển hộ bảo toàn dân.	Anh linh như trời đất ngàn đời giúp muôn dân
31	正氣	Chánh khí	Chánh khí
32	福德正神	Phúc đức chánh thần	Phúc Đức Chánh Thần
33	天后聖母	Thiên Hậu Thánh Mẫu	Thiên Hậu Thánh Mẫu
34	協天宮	Hiệp Thiên Cung	Hiệp Thiên Cung
35	忠義堂	Trung Nghĩa Đường	Trung Nghĩa Đường
36	祐我康寧	Hộ ngã khang ninh	Bảo hộ được khang ninh
37	浩氣長存	Hạo khí trường tồn	Khí phách hiển ngang tồn tại đời đời
38	履險如夷	Lí hiểm như di	Vượt nguy hiểm, không ngại khó khăn
39	漢壽亭侯	Hán Thọ Đình Hầu	(tước vị của Quan Vũ)

Nguồn: tác giả

2.3. Đặc điểm thờ tự

Khu vực chánh điện trang nghiêm gồm 3 gian: Gian giữa, tượng Ông ngự uy nghi trên ngai, một tay vuốt râu, một tay đặt hồ trên người. Hình tượng Quan Đế gần như chuẩn hóa, mỗi chi tiết trở thành “biểu tượng” và có ý nghĩa riêng. Sắc mặt đỏ, biểu thị khí chất cương nghị, anh dũng, trung thành; Râu năm chòm dài đến ngực mang vẻ uy nghiêm, chánh trực; Ngồi trên ngai đưa tay vuốt râu trong tư thế của một quan văn; chân mày đậm xé cao, tư chất của một võ tướng; Đầu đội mũo gắn kim hoa, thân mặc áo giáp bên trong, triều phục áo bào bên ngoài, toát vẻ cao quý, uy nghiêm. Hình tượng này mang cả chất văn lẫn võ. Đứng hầu hai bên,

bên trái là tướng Châu Xương tay cầm thanh long đao, lưỡi đao hướng ra, cũng là thuận theo chiều của dòng chảy sông Tiền; bên phải là nghĩa tử Quan Bình, tay cầm Hán Thọ Đình Hầu ấn chương. Trên bàn thờ giữa chánh điện còn đặt bộ lư, đôi hạc và chiếc ấn được bọc kỹ trong vải đỏ, gói gọn trong cái ngai nhỏ. Ngoài cùng là bàn Hội đồng. Thành phần phối thờ gồm: Chánh điện, gian tả thờ Phúc Đức chánh thần, gian hữu thờ Thiên Hậu thánh mẫu. Khu vực nền cao chánh điện, hai vách trái, phải đặt bàn thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền. Tiền điện chỉ có bàn thờ Mã thần tướng quân. Ở cổng rào bên phải có miếu thờ Thổ Địa, Thần Tài...

Tín ngưỡng Quan Đé hiển hiện ngay đặc điểm “tính dung hợp”. Nhìn từ phương diện một con người lịch sử, trong dân gian Ông là hình ảnh dung hợp cả đức lẫn tài, chuẩn mực lễ giáo đạo đức có bao nhiêu chữ gần như đều tập trung nơi Ông: trung, nghĩa, thành, tín, nhân, dũng, liêm, trực... văn võ song toàn. Ông là hình ảnh dung hợp Nho - Phật - Đạo, vừa là thánh thần, thiên tôn, hộ pháp, tam giáo đều tôn sùng. Ông là hình ảnh của một vị thần “toàn năng” (bảo hộ, ban bố, báo thiên cơ). Nơi cơ sở thờ tự Ông cũng thể hiện rõ tính chất dung hợp Nho - Phật - Đạo, dung hợp yếu tố ngoại sinh và bản địa, dung hợp cộng đồng dân cư trong vùng... Tín ngưỡng Quan Đé trong cộng đồng người Hoa và người Việt ở Tân Châu cũng thể hiện tính chất này. Người nơi đây không xa lạ về khí chất, tiết tháo, phẩm hạnh, tài năng, về câu chuyện Ông hiển thánh, hiển thần... Yếu tố Phật giáo thể hiện như thế nào? Khi chúng tôi đem bánh bao mặn đến dâng cúng Ông, người trong Ban hội cho biết, cúng bánh bao cho chư thần, còn Ông ăn chay và được giải thích cặn kẽ rằng “Ông là Hộ Pháp, là Bồ Tát rồi”. Thức ăn dâng cúng các bàn thờ mỗi sáng là xôi ngọt. Âm thanh thường nghe nơi đây là bài chú Đại Bi, hoặc câu thần chú của Mật tông “Om mani padme hum”.

Thiên Hậu Thánh Mẫu được phối thờ trong chùa là vị thần của Đạo giáo, xuất phát từ vùng Phúc Kiến (Trung Quốc), hiển thánh và được sắc phong vào thời Tống. Cũng như Quan Đé, bà Thiên Hậu được thờ khắp nơi theo bước di dân của người Hoa. Bà vốn được tin là vị thần phù hộ cho người đi biển, người xa xứ. “Bà Thiên Hậu trong dân gian là một vị thần biển, thần ban phát phúc lành, nữ thần bảo trợ sinh sôi nảy nở và một vị thần tài” [5]. Bà ngồi trên ngai, uy nghi đoan trang, tay cầm phát trần, đầu đội mũ có gắn hạt tròn, gọi hình ảnh râu chuỗi (Phật giáo).

Phước Đức Chánh Thần trong hình dạng một ông lão râu bạc phơ dài tới bụng, một tay

cầm nguyên bảo (thỏi vàng), một tay cầm cây long trượng, vẻ mặt như cười hóm hờ. Trên tượng có ghi bốn chữ “bảo hộ bình an”. Tài liệu Trung Quốc đều ghi chép, Phước Đức Chánh Thần là thần Thổ địa, gọi là Thổ địa công, Xã thần, thờ phổ biến ở vùng Hoa Nam, ngày vía là mùng 2 tháng 2. Với người dân địa phương rất trực quan, không quan tâm Ông ở đâu, là gì, tên Ông là Phước Đức, tay cầm thỏi vàng, chắc chắn Ông là vị thần bảo hộ, có thể ban phước đức, tài lộc.

Thờ Tiền Hiền - Hậu Hiền là tín ngưỡng bản địa, đây là tục thờ những lớp người khai hoang mở cõi đất Nam Bộ. Nhà nghiên cứu văn hóa Sơn Nam viết: Tiền hiền, hậu hiền là những người quy dân, lập làng và xây dựng công trình đặc biệt trong làng [9, tr.103]. Có câu “Tiền Hiền khai khẩn, Hậu Hiền khai cơ”. Người dân Nam Bộ không lập miếu riêng thờ Tiền Hiền, Hậu Hiền, họ được phối thờ trong hầu hết các đình làng để ghi nhớ công ơn. Chùa Ông ở Tân Châu cũng lập bàn thờ khói hương nghi ngút, một là tôn trọng thần địa phương, hai là thể hiện lòng nhớ ơn lớp người mở đất. Xét về chuỗi dài lịch sử, đây là vùng đất mới đối với cả cư dân Việt, Hoa. Tuy nhiên, không phải chùa Ông nào cũng lập bàn thờ Tiền Hiền, Hậu Hiền, khảo sát vài chùa Ông ở Châu Đốc, Châu Phú, Cần Thơ không có lập bàn thờ này. Trong miếu nhỏ ở cổng rào bên phải thờ Thổ Địa, Thần Tài. Đặc biệt, miếu có thờ Ông Tà (Neakta), xuất phát từ tín ngưỡng của người Khmer.

Cư dân cảm nhận sự linh thiêng nơi ngôi chùa này không chỉ ở những tượng thần uy nghi hay bài vị trước mặt, mắt thấy tay sờ được, mà còn cảm nhận sự tồn tại vô hình của “chư thần” khác, có thể đó là binh tướng của Ông và các anh linh khác. Đồ ăn mặn dâng cúng là dâng cho chư thần. Trong chùa cũng xuất hiện một số bàn thờ chung, như ở giữa sân trước cửa chùa có một lư hương to, vào các dịp lễ, tết, một bàn hương án được lập ở đây, có đầy đủ lễ (trái cây, bánh, trà nước, hương khói...), bàn này gọi là “vạn ban ngũ hành”.



Bàn thờ Phước Đức Chánh Thần



Bàn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu



Bàn thờ Tiên Hiền



Bàn thờ Hậu Hiền

Hình 5. Các bàn thờ trong chùa Ông

Ngôi chùa cho thấy sự dung hợp của cộng đồng cư dân trong vùng, trở thành một địa điểm tâm linh quan trọng của cả địa phương. Các cộng đồng dân tộc trong vùng cùng chia sẻ không gian linh thiêng cho nguyện cầu và vui cùng lễ hội nơi này. Tính dung hợp cũng thể hiện sự đa dạng, sự hòa quyện, sự trộn lẫn rất vô tư cũng rất tinh tế của dân gian. Nho - Phật - Đạo đi vào dân gian một cách hòa hợp, tự nhiên, không gượng gạo. Cư dân chia đều lòng thành kính cho các vị thần, ngoài những vị thần có hình tượng, trong tâm trí dân gian, còn là nơi cả một lực lượng đông đảo thần cư ngụ. Thổ thần, thổ địa, tà thần, anh linh những lớp người khai hoang, lập nghiệp nhiều đời ở vùng đất Tân Châu... Con người đặt tất cả lòng thành kính, lòng tin, lòng biết ơn với chư vị!

Một đặc điểm khác của tín ngưỡng đó là thực tế. Yếu tố Nho - Phật - Đạo không hiện như một hệ thống triết lý bác học, mà là cái đọng lại, sâu lắng nhất trong dân gian: Chính trực, nhân quả, phúc đức, hướng thiện... Mỗi vị thờ trong chùa Ông có gốc tích khác nhau, có tác dụng nhất định ở phương diện thiết chế xã hội, là biểu tượng cùng với hàng loạt ý nghĩa ban đầu. Đối với cư dân, điều quan trọng là chư thần tồn tại và linh thiêng! Chỉ cần biết có chư thần tồn tại là đủ, nhận thức đang quy lạy ai, mà không cần gốc tích, lai lịch hay ý nghĩa. Người Hoa tuy đến bằng đường biển, nhưng định cư ở Tân Châu, được bao quanh

bởi dòng sông Tiền, lâu dần tâm thức về chức năng bảo hộ người đi biển, cư dân xa nhà của bà Thiên Hậu đã phai nhạt. Người Việt ở Tân Châu càng không có ý niệm gì về chức năng này. Cũng như thế, người ta cầu phước, tài lộc ở Phước Đức Chánh Thần, không có nhu cầu thắc mắc nguồn gốc, lai lịch, ý nghĩa. Sự linh thiêng được thể hiện qua niềm tin được bảo hộ, được ban bố, được “tiết lộ thiên cơ”, được cả “tư vấn” những vấn đề rất thiết thực trong đời sống thực tiễn, được “mở đường mở lối” khi gặp chuyện khó khăn, bế tắc trong cuộc sống. Nội dung cầu xin gồm tất cả các lĩnh vực, các mặt hoạt động của con người... Trong đó, chức năng “thần tài” là nổi trội, người dân tin rằng, Ông nắm thiên cơ, có thể biết trước số phận, những chuyện tương lai... Do biết trước vận mệnh tương lai, nên người dân tin rằng lời phán (lời khuyên) của Ông là chính xác. Đặc biệt là gần như cả ba vị Quan Đế, bà Thiên Hậu, Phước Đức Chánh Thần đều nổi trội chức năng “thần tài”.

3. KẾT LUẬN

Qua tìm hiểu tín ngưỡng Quan Công từ tư liệu và đi vào khảo sát thực tế ngôi Quan Đế miếu (chùa Ông) của một thị xã, dù chỉ trên hai khía cạnh kiến trúc, trang trí và thờ tự, thấy được diễn biến trong thực tiễn vô cùng linh hoạt. Tính dung hợp vẫn là đặc tính chủ đạo, dung hợp Nho – Phật – Đạo, dung hợp yếu tố ngoại sinh và bản địa, dung hợp các

cộng đồng dân tộc,... Tùy vào điều kiện bản địa, điều kiện thời đại mà tín ngưỡng tồn tại theo cách riêng của nó. Xu hướng ở Tân Châu là tính mở, hoạt động tín ngưỡng thuận theo điều kiện thực tế, không câu nệ quá nhiều vào truyền thống, nhưng vẫn giữ giá trị tinh thần xưa; chú trọng vào nhu cầu thực tế hơn là ý

nghĩa lý thuyết, xu hướng mộc mạc, dân dã, gần gũi, niềm tin tâm linh mạnh mẽ, tinh thần nhân văn sâu sắc. Ngôi Quan Đế miếu không chỉ là nơi ngụ của Quan Công mà còn là nơi cư ngụ của đông đảo thần thánh cùng anh linh những lớp người khai hoang, lập nghiệp nhiều đời ở vùng đất Tân Châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Châu Hải (1992), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Chi cục thống kê thị xã Tân Châu (2019), *Niên giám thống kê năm 2019*.
- [3] Đinh Hiếu Minh (2013), *Luận về nguyên nhân hình thành tín ngưỡng Quan Đế và hàm nghĩa văn hóa của nó*, *Tập luận văn tín ngưỡng Quan Đế và nghiên cứu xã hội hiện đại* (Tiêu Phúc Đăng, Lâm Thúy Phụng (Chủ biên)), Nxb Vũ Hà. [丁孝明：論關帝信仰的成因及其文化意涵]，收錄於蕭福登、林翠鳳主編《關帝信仰與現代社會研究論文集》（臺北：宇河出版，2013）。
- [4] Hạ Chính Nông (1989), *Từ Hải*, Nxb Từ Thư Thượng Hải. [夏征农：《辞海》，上海辞书出版社，1989年]。
- [5] Nguyễn Ngọc Thơ (2017), *Tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thanh Phong (2014), *Thờ cúng Quan Công trong các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ*, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 11 (137).
- [7] Phó Hàm Chương (2016), *Luận về tín ngưỡng Quan Công của thương nhân*, *Tạp chí Đồ thư quán Đại học Đông Hải*, kỳ 7 năm 2016. [傅含章：《论商人的关公信仰》，《东海大学图书馆馆刊》第七期2016年]。
- [8] Quan Thánh Đế Quân, *Đào viên Minh Thánh kinh* (Vô Trí cư sĩ dịch 2001).
- [9] Sơn Nam (2009), *Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Trần Khánh (2001), *Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX*, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1.

Ngày nhận bài: 23-4-2021. Ngày biên tập xong: 30-4-2021. Duyệt đăng: 20-5-2021